

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/DS-ST

Ngày: 17 - 3 - 2022

V/v “T/c hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thật

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Duy Bình
2. Bà Lê Thị Kim Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Ngày 17 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2021 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Yến N, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp CC, xã Thạnh Phú, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Bà Nguyễn Thị Thanh N1, sinh năm 1954; Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn T1, huyện T, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Bà Hồ Thị Kim C, sinh năm 1983 và ông Phùng Trung L, sinh năm 1981; Cùng địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

Bà Nga có mặt; bà C và ông L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Phạm Thị Yến N: Trong quá đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Yến N do bà Nguyễn Thị Thanh N1 đại diện theo ủy quyền xác định bà N khởi kiện yêu cầu bà Hồ Thị Kim C và ông Phùng Trung L cùng liên đới trả số tiền nợ gốc là

250.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 27/9/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm, số tiền lãi yêu cầu là 12.500.000 đồng.

Đề nghị của bị đơn – bà Hồ Thị Kim C: Trong quá trình giải quyết vụ án bà C đồng ý cùng ông L liên đới trả số tiền gốc 250.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1%/tháng theo yêu cầu của bà N.

Đề nghị của bị đơn – ông Phùng Trung L: Ông L đã được Tòa án huyện T triệu tập hợp lệ đúng quy định của pháp luật nhưng ông L vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, trong bản tự khai gửi cho Tòa án ông L trình bày, ông L đồng ý cùng bà C liên đới trả số tiền gốc 250.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1%/tháng theo yêu cầu của bà N.

Các tình tiết của vụ án:

Những nội dung các đương sự thống nhất:

Bà Phạm Thị Yến N và Hồ Thị Kim C, ông Phùng Văn L thống nhất: Vào ngày 27/9/2021, bà C và ông L có vay của bà N số tiền 250.000.000 đồng, mục đích đáo hạn ngân hàng, hai bên thỏa thuận thời hạn là 01 tháng với mức lãi suất 2%/tháng, hai bên có lập “Giấy mượn tiền”, có bà C và ông L ký tên, điểm chỉ. Bà C và ông L đồng ý trả số tiền gốc 250.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1%/tháng cho bà N.

Những nội dung các đương sự không thống nhất được:

Bà N yêu cầu bà C và ông L trả một lần số tiền gốc, lãi. Bà C và ông L đề nghị được trả làm 03 lần: Tháng 4/2022 trả 100.000.000 đồng, tháng 10/2022 trả tiếp 100.000.000 đồng và đến tháng 4/2023 trả hết số tiền còn lại.

Các tài liệu, chứng cứ do các đương sự đã cung cấp như tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ của Tòa án nhân dân huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật là “hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Bộ luật dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt ông L: Ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông L.

[3] Về nội dung vụ án:

Bà Phạm Thị Yến N yêu cầu bà Hồ Thị Kim C và ông Phùng Văn L liên đới trả số tiền nợ 250.000.000 đồng. Bị đơn bà Hồ Thị Kim C và ông Phùng Văn L thừa nhận có vay của bà Phạm Thị Yến N số tiền 250.000.000 đồng và có ký tên vào giấy biên nhận nợ. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà N thì bà Hồ Thị Kim C đồng ý trả cho bà N số tiền nợ 250.000.000 đồng, ông L vắng mặt nhưng có văn bản ý kiến thống nhất cùng bà C trả tiền nợ cho bà N. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà N về số tiền nợ gốc 250.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu số tiền lãi: Trong quá trình giải quyết vụ án bà N do bà Nga đại diện theo ủy quyền xác định yêu cầu bà C và ông L phải trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 1%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 27/9/2021 đến khi xét xử sơ thẩm, số tiền lãi yêu cầu là 12.500.000 đồng. Tại bản tự khai gửi cho Tòa án, bà C và ông L thống nhất trả mức lãi suất 1%/tháng từ ngày 27/9/2021. Do đó, yêu cầu lãi suất của bà N là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận. Số tiền lãi từ ngày 27/9/2021 đến ngày 17/3/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) là 05 tháng 20 ngày, tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu tính 05 tháng tiền lãi là có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận, số tiền lãi là $250.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 5 \text{ tháng} = 12.500.000 \text{ đồng}$.

Từ những nhận định trên, Tòa án cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Yến N đối với bà Hồ Thị Kim C và ông Phùng Văn L. Buộc bà Hồ Thị Kim C và ông Phùng Văn L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị Yến N số tiền gốc là 250.000.000 đồng và số tiền lãi là 12.500.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 262.500.000 đồng.

[4] Về thời gian trả và cách thức trả: Bà Nga đại diện theo ủy quyền của bà N yêu cầu bà C và ông L trả số tiền trên một lần. Bà C và ông L đề nghị trả dần, bà C đề nghị trả làm 03 lần cho đến khi trả hết số tiền nợ, phía nguyên đơn không đồng ý. Các đương sự không thống nhất được thời gian trả, cách thức trả và vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Thi hành án dân sự khi bản án có hiệu lực pháp luật nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án

theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

[6] Về án phí: Bà Phạm Thị Yến N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Hồ Thị Kim C và ông Phùng Văn L phải chịu số tiền 13.125.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 288, 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Yến N đối với bà Hồ Thị Kim C và ông Phùng Văn L.

Buộc bà Hồ Thị Kim C và ông Phùng Văn L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị Yến N số tiền gốc là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) và số tiền lãi là 12.500.000 đồng (mười hai triệu, năm trăm nghìn đồng), tổng cộng gốc và lãi là 262.500.000 đồng (hai trăm sáu mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí:

Bà Hồ Thị Kim C và ông Phùng Văn L phải liên đới chịu số tiền 13.125.000 đồng (mười ba triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

Bà Phạm Thị Yến N không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà N số tiền 6.344.000 đồng (Sáu triệu, ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010848 ngày 10 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Toà án niêm yết bản án.

4. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thật